

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-PT

Ngày: 25-5-2022

V/v *Tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu tháo gỡ công trình trên
đất.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Như

Các Thẩm phán:

Ông Nông Bế Chiến

Ông Ngôn Ngọc Viên

- Thư ký phiên toà: Bà Nông Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Nha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 01 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu tháo gỡ công trình trên đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 39/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Hà Văn C, sinh năm 1939;

Địa chỉ cư trú: Tổ 7, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt

Những người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn gồm:

1. Trần Xuân N – Sinh năm 1953

Địa chỉ: Tầng 3, số 188 V, Phường V, quận Đ, thành phố H; theo giấy ủy quyền ngày 14/9/2020; có mặt

2. Nông Thị P, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 7, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; theo giấy ủy quyền ngày 16/11/2020; có mặt

3. C Thị R, sinh năm 1939

Địa chỉ: tổ 7, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Theo giấy ủy quyền ngày 17/3/2022; Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn O; thuộc Công ty Luật TNHH OPIC và Cộng sự; địa chỉ: Tầng 3, số 188 V, Phường V, quận Đ, thành phố H; có mặt

- **Bị đơn:** Nông Thị G, sinh năm 1927; vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nông Văn Â, sinh năm 1960; cùng địa chỉ: Tổ 5, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; theo giấy ủy quyền ngày 07/9/2020; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Nông Thị G:

+ Luật sư B, thuộc văn phòng Luật sư B, địa chỉ: Tổ 10, phường X, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; có mặt

+ Trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng
- Luật sư Trần M; có mặt

- **Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Đàm Thị A, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ 6, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan A: Luật sư Nguyễn Thị L, thuộc văn phòng Luật sư B; địa chỉ: Tổ 10, phường X, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; có mặt

2. Ủy ban nhân dân thị trấn T, người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Dương Y. Vắng mặt, Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 23/5/2022.

- **Những người làm chứng:**

1. Nông A1;

Địa chỉ: Tổ 7, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng;

2. Lý B2, sinh năm 1923;

Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng;

3. Hoàng C1, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Tổ 7, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng;

4. Ngọc Thị D1, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng;

5. Lương E2, sinh năm 1954;

6. Đàm A5, sinh năm 1962;

7. Lương B6, sinh năm 1945;

8. Nông C3, 60 tuổi;

9. Tống p4, sinh năm 1958;

10. Tống C7, sinh năm 1952;

Đều có địa chỉ: Tổ 5, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng;

11. Nông V8, sinh năm 1956;

12. Nông C9, sinh năm 1962;

13. Hà T5, 59 tuổi;

14. Nông C6, 55 tuổi;

Đều có địa chỉ: Tổ 6, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng;

(Tất cả những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa)

- Người kháng cáo: Nguyên đơn Hà Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/8/2020, các lời khai tiếp theo tại Toà án cũng như tại phiên tòa **nguyên đơn Hà Văn C** và những người được ông C ủy quyền trình bày:

Thửa đất số 167, tờ bản đồ 104 tọa lạc tại phố Z, thị trấn T, huyện S, tỉnh Cao Bằng (nay là tổ dân phố 6, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng) có nguồn gốc của bố ông C tên là Hà X (hay còn gọi là ông Hà X1) mua với ông Nông M1 thuộc khu vực F (hay gọi là F1), phía Đông giáp ruộng của ông Hoàng Văn T1, phía Nam, phía Tây đều giáp ruộng chủ bán đất Nông M1, phía Bắc giáp đường cái (nay vị trí thuộc phía Đông giáp nhà ông Hoàng Văn R1, phía Tây giáp đất nhà ông C ở thửa đất 165, 166 đã được cấp Giấy chứng nhận, phía Nam giáp trường cấp 2, 3 P9, phía Bắc giáp đường quốc lộ 3, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng). Việc mua bán có lập văn tự.

Giai đoạn thành lập hợp tác xã, ông C không kê khai thửa đất trên vào hợp tác xã. Năm 1960 ông Hà X tặng thửa đất trên cho vợ chồng Hà Văn C, vì ông C là con cả trong gia đình và lịch sử việc tặng đất cho riêng không lập giấy tờ; trên thửa đất tranh chấp còn có phần mộ của bố ông Hà Văn C. Tháng 2/1979 xảy ra chiến tranh biên giới, mọi người dân phải đi sơ tán, sau chiến tranh kết thúc ông C tiếp tục quản lý, sử dụng đất. Năm 1989 ông M6 là chồng bà G có mượn đất ông C với diện tích khoảng 210m² để canh tác, thời hạn mượn trong vòng hai năm nhưng không lập giấy tờ gì, năm 1990 ông C đồng ý cho ông M6 dựng một ngôi nhà gỗ nhỏ ở tạm để tiện canh tác đất. Đến năm 1991 ông C đòi đất lần một, năm 2001 đòi lần hai nhưng bà G không trả, quá trình đòi đất có nộp đơn lên Ủy ban xã nhưng không lưu lại.

Năm 1995 gia đình ông C có dựng ngôi nhà cấp 4 trên các thửa đất 165, 166 tiếp giáp thửa đất số 167 đang tranh chấp, ngăn cách với thửa đất 167 có công trình nhà ông C và ngôi nhà cũ ông M6 dựng năm 1990. Ngoài ra, trước năm 1979 ông Hà X (bố ông C) chết đã chôn trên thửa đất 167 cùng hai ngôi mộ của mẹ và anh trai ông C, sau đó do quy hoạch và có yêu cầu của Ủy ban nhân dân huyện nên gia đình đã di dời các ngôi mộ ra chỗ khác.

Năm 2004 khi ông A xây dựng nhà (ngôi nhà hiện bà Roong đang quản lý), gia đình có yêu cầu ngăn chặn là gửi đơn lên Ủy ban thị trấn T và đã bị Ủy ban nhân dân xã đình chỉ xây dựng. Đến năm 2020, gia đình ông A phá ngôi nhà dựng năm 1990 định xây tiếp nhà mới, khi có đơn của ông C thì Ủy ban nhân dân thị trấn T đã đình chỉ không cho gia đình ông A xây dựng.

Nay ông C yêu cầu bà G và những người liên quan trả lại quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 167, tờ bản đồ 104, diện tích khoảng 208,2m² cho ông C. Đề nghị gia đình bà G và những người liên quan tự tháo dỡ nhà. Về tình cảm gia đình ông C hỗ trợ khoảng 5.000.000đ đến 10.000.000đ (05 triệu đồng đến 10 triệu đồng).

Tại đơn đề nghị ngày 05/9/2020, các lời khai tiếp theo tại Tòa án cũng như ở phiên tòa ông A được **bị đơn Nông Thị G** ủy quyền trình bày: Ông là con của bị đơn Nông Thị G, là hàng xóm với ông C, bà A là em dâu. Thửa đất 167, tờ bản đồ 104, diện tích 210,1m² có tên địa phương là F1; nguồn gốc đất là của ông Nông Văn t9 (ông nội ông A) cho bố mẹ ông A là Nông Văn M6 và Nông Thị G từ năm 1955 nhưng không lập giấy tờ, bố mẹ ông A trồng cây hoa màu liên tục từ đó. Đến năm 1979 chiến tranh biên giới xảy ra, mọi người dân di tản. Năm 1980 sau khi sơ tán quay về gia đình ông A dựng một ngôi nhà lợp gianh trên thửa đất. Năm 1989, vợ chồng ông C đã đến thương lượng và phân chia ranh giới hai thửa đất liền kề của gia đình ông và ông C (thửa đất bên ông A thấp hơn thửa đất ông C gần 1m), có bà A đến làm chứng và giúp kéo dây chia ranh giới; năm 1991 dỡ nhà gianh dựng một ngôi nhà gỗ; năm 2004 xây lại nhà bếp, ngôi nhà hiện nay bà A đang ở nhờ. Quá trình gia đình ông A dựng nhà ông C biết nhưng không có tranh chấp và ý kiến gì. Năm 1995 ông C mới xây nhà giáp ngôi nhà gỗ của ông A và xây tường rào đằng sau ngăn cách.

Đến năm 2001, khi bố ông sức khỏe yếu sau đó chết thì ông C mới có đơn tranh chấp đất với gia đình ông; ông C đưa ra giấy tờ mua bán đất giả mạo để che mắt chính quyền, vì thời điểm đó đất trong thành nhà Mạc không ai được phép mua bán. Khi Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng giải quyết vụ việc, đoàn công tác đã thẩm tra, xác minh, phân tích một cách khách quan, toàn diện thể hiện tại nội dung Quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 11/7/2018.

Nay ông C yêu cầu di chuyển tài sản trên thửa đất để trả lại quyền sử dụng đất cho ông C, ông A không nhất trí và đề nghị Tòa án xem xét bác yêu cầu của ông C.

Tại đơn yêu cầu giải quyết ngày 05/9/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa **người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đàm Thị A trình bày**: Về mối quan hệ ông Nông Văn A là anh rể, còn ông C là hàng xóm. Thửa đất ông C đang tranh chấp với bà G là đất rẫy, từ nhỏ bà đã thấy gia đình bà G canh tác trồng hoa màu trên đất. Bà được gia đình ông A cho ở nhờ nhà từ năm 1989 đến nay, trên đất không có tài sản gì của bà. Năm 1989, vợ ông C có nhờ bà đi gọi ông M6 về giúp kéo dây xác định mốc giới giữa thửa đất 167 với đất nền nhà của ông C, thửa đất ông M6 thấp hơn đất ông C khoảng 1m; bà được giúp căng dây từ đường trước đến đường sau thửa đất 01 bên của ông C, 01 bên của ông M6, lúc kéo dây các ông còn nói kéo dây cho thẳng để đẹp đất của hai bên.

Ông A đã ba lần dựng nhà trên thửa đất 167: Năm 1980 dựng nhà gianh, năm 1991 dựng nhà gỗ sát ranh giới đất, có tổ chức vào nhà mới và sinh sống tại đó và năm 2004 xây bếp; hiện nay bà đang ở nhờ ông A trên ngôi nhà bếp này. Năm 1995 bên ông C xây nhà cấp 4 tiếp giáp nhà gỗ của gia đình ông A. Quá trình các bên dựng nhà không ai có ý kiến, không có tranh chấp. Đến năm 2001 khi ông M6 (chồng bà G) ốm nặng thì ông C có đơn tranh chấp, đưa ra các chứng cứ không hợp pháp nhằm mục đích chiếm đoạt đất đai của người khác.

Ông C yêu cầu được công nhận quyền sử dụng thửa đất số 167; yêu cầu bà G và bà tự di chuyển tài sản trên đất để trả lại quyền sử dụng đất cho ông C, bà A không có ý kiến gì do bà chỉ ở nhờ nhà và đất của ông Nông Văn A.

Tại văn bản cung cấp thông tin để giải quyết vụ án số: 44/UBND-ĐC ngày 21/5/2021 **người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** Ủy ban nhân dân thị trấn T người đại diện là Chủ tịch có ý kiến: Thửa số 167, tờ bản đồ 104 có phát sinh tranh chấp nên dự án cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thị trấn T đối với thửa đất trên không thực hiện được. Theo sổ mục kê đất đai thì thửa đất số 167 hiện nay Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý. Về kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất của thị trấn T thì khu đất trên không nằm trong danh mục các công trình thực hiện giai đoạn 2021-2030.

Tại giấy xác nhận **người làm chứng** ngày 08/11/1995 và biên bản lấy lời khai ngày 21/12/2020 ông Nông A1 trình bày, ông là hàng xóm với ông C. Ông làm Trưởng khu phố E giai đoạn năm 1993 - 2003. Ông không biết nguồn gốc thửa đất số 167 hiện nay ông C và bà G đang tranh chấp, đất có tên địa phương là F1, ngoài ra không có tên gọi nào khác. Từ năm 1960 ông là học sinh, lớp có tổ chức nuôi lợn, trồng rau lang và làm Còng lợn trên đám đất của gia đình ông C, gia đình ông C không ngăn cản, bố ông C là Hà X cũng trồng rau lang ở phía ngoài giáp đường cái và trên đất có mấy ngôi mộ của gia đình ông C. Sau đó ông đi học nghề hai năm về vẫn thấy gia đình ông C canh tác. Năm 1972 ông chuyển đi Quảng Uyên nên không biết ai canh tác đất giai đoạn sau. Ông E đề nghị không tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Tại giấy xác nhận **người làm chứng** ngày 15/11/1995 và biên bản lấy lời khai ngày 21/12/2020 bà Lý B2 trình bày, bà là hàng xóm của ông C. Thửa đất đang tranh

chấp có tên gọi địa phương là F1, ngoài ra không có tên gọi nào khác. Đất này là của ông Hà X hàng năm trồng trọt, bà không nắm diện tích nhưng biết tứ cận đất: Phía mặt tiền giáp đường cái, phía sau giáp trường học, phía trên thửa đất (trên dốc) giáp đất ai không rõ, phía dưới thửa đất (dưới dốc) giáp nhà ông Hoàng Văn W (đã chết). Bà R1 đề nghị không tham gia tố tụng tại phiên tòa do tuổi đã cao đi lại khó khăn.

Tại giấy xác nhận **người làm chứng** và biên bản lấy lời khai ngày 21/12/2020 ông Hoàng C1 trình bày, ông là hàng xóm của ông C. Ông không biết nguồn gốc thửa đất số 167 hiện nay ông C và bà G đang tranh chấp. Khi còn là học sinh ông chơi với con gái ông C là Hà Thị N1, N1 có chỉ thửa đất đó là của gia đình; trước đây trên đất có mấy ngôi mộ của gia đình ông C, hiện tại mộ đã di dời đi chỗ khác. Ông Hậu đề nghị không tham gia tố tụng tại phiên tòa do bận việc gia đình.

Tại giấy xác nhận **người làm chứng** và biên bản lấy lời khai ngày 21/12/2020 bà Ngọc Thị D1 trình bày, bà là hàng xóm của ông C. Thửa đất đang tranh chấp có tên gọi địa phương là F1, ngoài ra không có tên gọi nào khác. Thửa đất là của ông Hà X có diện tích bao nhiêu và tứ cận đất giáp ai bà không biết, khi còn nhỏ đi học bà thấy ông Hà X trồng hoa màu trên đất, cạnh đất có mấy ngôi mộ của gia đình ông Hà Sắp N2, hiện tại các mộ đã di dời đi chỗ khác. Bà D1 đề nghị không tham gia tố tụng tại phiên tòa do tuổi đã cao đi lại khó khăn.

Tại các giấy xác nhận **người làm chứng** các ngày 05, 06/9/2020 và các biên bản lấy lời khai ngày 16/12/2020 ông Lương E2, Đàm A5 và Nông C3 trình bày, các ông là hàng xóm của bà G. Các ông không ai biết nguồn gốc thửa đất 167 đang tranh chấp giữa ông C và bà G, sau những năm 1979, 1980 thấy bà G canh tác, quản lý, sử dụng thửa đất cho đến nay, ông M6 và bà G làm nhà gỗ trên thửa đất 167 vào khoảng năm 1990, 1991; thửa đất có tên gọi địa phương là F1, ngoài ra không có tên gọi nào khác. Các ông E2, A5 và C3 cùng đề nghị không tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Tại giấy xác nhận **người làm chứng** ngày 11/9/2020 và biên bản lấy lời khai ngày 16/12/2020 bà Lương B6 trình bày, bà là em dâu bà G. Bà nghe bố mẹ chồng kể lại nguồn gốc thửa đất F1 hiện đang tranh chấp do ông cha để lại; năm 1958 khi bà G về làm dâu đã được bố mẹ chồng giao cho canh tác, quản lý cho đến nay, thời điểm bà G làm nhà lợp gianh và sau đó làm nhà bằng gỗ trên đất không có ai tranh chấp; nay đề nghị Tòa án giải quyết đất cho bên bà G. Thửa đất F1 không có tên gọi nào khác. Bà B6 đề nghị không tham gia tố tụng tại phiên tòa do tuổi đã cao, không có phương tiện đi lại.

Tại giấy xác nhận **người làm chứng** ngày 06/9/2020 và biên bản lấy lời khai ngày 16/12/2020 ông Tống P4 trình bày, ông là hàng xóm của bà G. Năm 1980 ông làm trong Ban quản trị hợp tác xã, thửa đất ông C và bà G đang tranh chấp do hợp tác xã quản lý. Năm 1988 tan hợp tác xã thì đất của ai người đó làm thì ông C và bà G tranh chấp, ông không biết nguồn gốc đất là của ai. Thửa đất tranh chấp có tên gọi

duy nhất là F1. Ông P4 đề nghị không tham gia tố tụng tại phiên tòa do tuổi đã cao đi lại khó khăn.

Tại giấy xác nhận **người làm chứng** ngày 06/9/2020 và biên bản lấy lời khai ngày 16/12/2020 bà Nông V8, bà là hàng xóm của bà G. Từ nhỏ bà đi lại đã thấy bà G làm vườn trên thửa đất đang tranh chấp. Năm 1989 bà làm nhà đối diện thửa đất, thấy bà G có nhà gianh trên đất, sau đó dỡ nhà gianh làm nhà gỗ. Năm 1995 ông C xây dựng nhà cạnh thửa đất đang tranh chấp nhưng không có tranh chấp xảy ra, sau này mới xảy ra tranh chấp. Bà V8 đề nghị không tham gia tố tụng tại phiên tòa do tuổi đã cao, đi lại khó khăn.

Tại lời tự thuật của **người làm chứng** ngày 07/9/2020 và biên bản lấy lời khai ngày 16/12/2020 ông Tống C7 trình bày, ông là hàng xóm của bà G. Giai đoạn ông tham gia Ban tài chính xã L3 thì có việc tranh chấp đất ở khu F1 giữa ông C và bà G nhưng ông không biết cụ thể tranh nhau thửa đất nào; năm 1995 - 2000 ông biết Ủy ban nhân dân xã hòa giải sự việc này. Ông C7 đề nghị không tham gia tố tụng tại phiên tòa do đi lại khó khăn.

Tại giấy xác nhận **người làm chứng** ngày 08/9/2020 và biên bản lấy lời khai ngày 17/12/2020 ông Nông C9 trình bày, ông là hàng xóm của bà G. Ông khẳng định thửa đất 167, tờ bản đồ 104 có tên địa phương là F1 của ông M6 (chồng bà G); từ năm 1976 gia đình ông M6 đã canh tác thửa đất này, sau năm 1979 ông M6 vẫn canh tác đất. Khoảng năm 1989 ông M6 dựng ngôi nhà gỗ trên đất (ngôi nhà đã dỡ năm 2020). Hiện nay bà A là con cháu ông M6 đang ở nhờ đất của ông M6 trong ngôi nhà xây cấp 4. Ông C9 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại Tòa án các cấp.

Tại giấy xác nhận **người làm chứng** ngày 05/9/2020 và biên bản lấy lời khai ngày 17/12/2020 bà Hà T5 trình bày, bà là hàng xóm của bà G. Bà không biết nguồn gốc thửa đất 167 đang tranh chấp giữa ông C và bà G, cuối năm 1990 bà thấy trên đất đã có nhà của bà G và bà A đến xin ở nhờ nhà bà G từ thời gian đó; khoảng năm 1991 bà A dỡ ngôi nhà trước đó ở nhờ rồi dựng nhà ngói, cách đây khoảng 10 năm bà A xây ngôi nhà cấp 4 trên đất; các lần bà A làm nhà không thấy ai đến cản trở hay tranh chấp. Bà T5 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại Tòa án các cấp do tuổi đã cao.

Tại giấy xác nhận **người làm chứng** ngày 05/9/2020 và biên bản lấy lời khai ngày 17/12/2020 bà Nông C6 trình bày, chồng bà có quan hệ họ hàng với bà G. Thửa đất 167, tờ bản đồ 104 trong quá trình sử dụng đất liền kề ông C và ông M6 (chồng bà G) đã chia và xác định ranh giới rõ ràng. Năm 1990 thấy bà G dựng hai ngôi nhà trên đất, ngôi nhà gỗ bà G ở (đã xuống cấp nên dỡ năm 2019), ngôi nhà thứ 2 hiện nay bà A đang ở. Bà C6 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại Tòa án do bận làm ăn.

Ngày 26/01/2021, Tòa án huyện cùng cơ quan chuyên môn đã tiến hành thẩm định thửa đất đang tranh chấp, kết quả: Thửa số 167, tờ bản đồ 104, có diện tích 202,8m², các tứ cận tiếp giáp: Phía Đông giáp đường quốc lộ 3; phía Tây nam giáp

tường rào Trường Trung học cơ sở S; phía Nam giáp thửa đất số 168 của anh Hoàng Văn M2; phía Bắc giáp thửa đất số 166 của ông Hà Văn C. Trên đất có căn nhà cấp 4 với diện tích xây dựng là 65,7m² của bà C Thị G, có hai bên tường xây vượt hiên nhà 0,85m lần đất thuộc lề đường (*có trích đo thửa đất kèm theo*).

Theo kết quả định giá ngày 26/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản thì đất F1 ở thửa 167, tờ bản đồ 104, diện tích 202,8m²; có giá là 2.763.000đ/1m², tổng trị giá thửa đất là (202,8m² x 2.763.000đ) **560.336.400đ** (Năm trăm sáu mươi triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm đồng); còn tổng trị giá tài sản trên đất gồm: Nhà xây một tầng có tường gạch bao quanh nhà với tổng trị giá là **135.997.575đ** (Một trăm ba mươi năm triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm bảy mươi năm đồng).

Tại phiên tòa, **Luật sư Dương J** bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Thửa đất số 167, tờ bản đồ số 104 có nguồn gốc do bố ông C là ông Hà X mua với ông Nông Văn L1, việc mua bán có lập văn tự với giá trị khu đất là năm đồng chẵn; về nội dung và hình thức văn tự mua bán đất phù hợp với khoản 3 Điều 5 Thông tư 02 năm 2015 của Bộ tài nguyên Môi trường và điểm e khoản 1 Điều 100 luật đất đai. Quá trình quản lý đất bên ông C đã có hai biên lai nộp thuế đối với thửa đất 167 vào ngày 16/12/2002 và 01 biên lai do con trai ông C là Hà Văn T3 nộp. Sở dĩ, văn tự mua bán đất ghi là khu vực F mà hiện nay tên đất là F1 đều là đồng âm nên hai tên gọi này chính là một khu đất; còn tên người mua đất là Hà Văn T4 và bố của Nguyên đơn tên là Hà X cùng đều là họ Hà, T4 là thứ hai nên đây chính là một người. Về xác định thời điểm xảy ra tranh chấp: Năm 1989 ông C cho gia đình bà G mượn đất để canh tác, đến năm 1991 đã đòi nhà, người làm chứng Tống C7 khai khi ông làm việc ở Ban tài chính năm 1995 - 2000 có biết Ủy ban nhân dân xã hòa giải sự việc nhiều lần; do đó không xác định được thời điểm các bên tranh chấp đất.

Bị đơn Nông Thị G và những người làm chứng bên bị đơn cho rằng thửa đất tranh chấp là của bà G, nhưng không cung cấp được chứng cứ thửa đất 167 là của bà Nông Thị G cũng như năm 1980 đã dựng ngôi nhà gianh trên thửa đất; chỉ có lời khai của những người làm chứng và cung cấp Biên bản họp hai chi bộ Pác Bó 1 và Pác Bó 2 năm 2004, về biên bản họp chi bộ không có giá trị chứng minh nguồn gốc đất đang tranh chấp. Nay đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Nông Thị G và những người liên quan trả lại quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 167, tờ bản đồ 104, diện tích khoảng 208,2m² cho ông Hà Văn C.

Còn Luật sư **B và Luật sư Trần M** bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Không nhất trí với ý kiến của nguyên đơn và Luật sư bên nguyên đã trình bày, bởi lẽ: Bên nguyên đơn yêu cầu quản lý, sử dụng thửa đất 167 và cung cấp chứng cứ là văn tự mua bán đất. Trong văn tự mua bán đất tên khu đất là F, nhưng tên thửa đất hiện nay đang tranh chấp là F1 (có 9 người làm chứng đều khai tên đất đang tranh chấp là F1); địa chỉ khu đất trong văn tự ghi ở Bản Giang Tỉnh, nhưng theo kết quả Sở tài nguyên Môi trường đi xác minh thì trong thời kỳ pháp thuộc, khu vực tổng S

không có Bản Giang Tinh; văn tự không ghi diện tích đất các bên đã mua bán và không có văn bản (biên nhận) đã trả tiền và giao đất; tên người mua là Hà Văn T4 chứ không phải Hà X là bố của Nguyên đơn và thời điểm các bên lập văn tự đất trong thành nhà Mạc không được phép mua bán. Ngoài ra, khi đoàn Tòa án đi xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất thì không có các ngôi mộ như bên nguyên đơn khai và cũng không có chứng cứ chứng minh thời gian gia đình bên nguyên đơn đã chôn cất mộ cũng như đã di dời mộ.

Về nguồn gốc thửa đất cả hai bên đương sự đều không cung cấp được chính xác, nhưng xác định được bà Nông Thị G quản lý, sử dụng từ năm 1979 đến nay, năm 1989 giữa hai nhà đã căng dây ngăn mốc giới thửa đất, vị trí thửa đất ngôi nhà trên thửa đất 166 mà hiện nay ông C đang đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cao hơn thửa đất đang tranh chấp. Theo tài liệu của Trung tâm quan trắc Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Cao Bằng thì có Biên bản họp chi bộ và các giấy tờ chứng cứ khác để chứng minh thửa đất số 167 là của bà G.

Về hai biên lai nộp thuế đất do nguyên đơn cung cấp, Nhà nước chỉ thu thuế người đang sử dụng đất, bên ông C không canh tác, quản lý thửa đất 167 mà Nhà nước lại thu thuế ông C, do đó 02 biên lai thuế không thuyết phục. Ngoài ra, theo văn bản cung cấp thông tin để giải quyết vụ án của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T thì thửa đất đang tranh chấp không nằm trong danh mục các công trình thực hiện giai đoạn năm 2021 - 2030. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 22/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng đã:

- Căn cứ khoản 2 Điều 101 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013;
- Căn cứ Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 35; Điều 39; Điều 91; các Điều 143; 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 227; khoản 2 Điều 229; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ điểm đ Điều 12; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quyền sử dụng đất:

1.1. Bác đơn khởi kiện của nguyên đơn Hà Văn C yêu cầu bị đơn trả lại quyền sử dụng đất đối với thửa đất thửa số 167, tờ bản đồ 104 tọa lạc tại tổ dân phố 6, thị trấn T, huyện Q.

1.2. Bị đơn Nông Thị G, trú tại tổ dân phố 5, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng được tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất số 167, tờ bản đồ 104, diện tích 202,8m² và tài sản trên đất tọa lạc tại tổ dân phố 6, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; tứ cận đất tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp đường quốc lộ 3; phía Tây nam giáp tường rào Trường Trung học cơ sở S; phía Nam giáp thửa đất số 168 của anh Hoàng Văn R1; phía Bắc giáp thửa đất số 166 của ông Hà Văn C (*có trích đo thửa đất kèm theo*).

Khi án có hiệu lực pháp luật, bà C Thị G được kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Nguyên đơn Hà Văn C phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền là 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*). Xác nhận ông C đã nộp đủ tiền.

3. Về án phí: Nguyên đơn Hà Văn C là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05 tháng 11 năm 2021 ông Hà Văn C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 22/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng, yêu cầu cấp phúc thẩm: Xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, tuyên hủy bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 22/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm những người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị HĐXX xem xét lại toàn bộ bản án, hủy bản án sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 22/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, bởi các căn cứ sau: Ông M6 đã chết, nhưng cấp sơ thẩm không đưa con ông M6 vào tham gia tố tụng, đất do UBND thị trấn quản lý nhưng lại giao cho bà G quản lý, không có căn cứ cho rằng bà G quản lý từ năm 1989, vi phạm khoản 1 điều 153, điều 236 BLDS, vi phạm việc đánh giá cứ chứng, tranh chấp xảy ra Tòa không xác minh xem phía Ủy ban nhân dân thị trấn có lưu trữ hồ sơ giải quyết tranh chấp hay không, không xem xét đến việc nộp thuế của gia đình ông Hà Văn C, không đánh giá lời khai của người làm chứng một cách khách quan, chỉ đánh giá lời khai của người làm chứng có lợi cho bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị HĐXX bác kháng cáo của Nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm vì các văn bản của cơ quan có thẩm quyền đã khẳng định gia đình bị đơn đã quản lý sử dụng đất tranh chấp từ năm 1979 cho đến nay.

Luật sư Nguyễn O bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Việc tranh chấp giữa gia đình ông C và gia đình bà G đã được cơ quan có thẩm quyền

giải quyết nhiều lần, việc hủy quyết định là do giải quyết sai thẩm quyền, về nguồn gốc đất tranh chấp là của gia đình nguyên đơn, giấy mua bán đã được dịch khá đúng với nội dung. Về hiện trạng đất có sự thay đổi theo lịch sử, về tứ cận không có sự thay đổi, tại quyết định giải quyết của UBND có thể hiện là gia đình nguyên đơn có giấy tờ mua bán nên cần được ghi nhận. Cấp sơ thẩm không thu thập việc gia đình ông C đã nộp đơn khiếu nại là thiếu sót, tòa cấp sơ thẩm tuyên bị đơn được quyền quản lý sử dụng là không đảm bảo khách quan. Nguyên đơn đã nộp thuế đất cho UBND xã, nhưng cấp sơ thẩm không thu thập tại UBND xã, giấy nộp thuế không ghi rõ ràng là nộp thuế cho thửa 167 là do cán bộ thuế thiếu sót. Quá trình bị đơn quản lý, sử dụng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh, việc nguyên đơn không được sử dụng là do bị đơn đang tranh chấp, thửa đất 167 thấp hơn thửa đất 166 là do thửa 167 trước đây có mộ nên ông A đã mức đất để đổ đi. Bị đơn chiếm hữu bất hợp pháp, không có giấy tờ gì chứng minh bị đơn làm nhà vào các năm 1980 làm nhà ranh, năm 1991 làm nhà gỗ. Lời khai của những người làm chứng cho phía bị đơn có sự mâu thuẫn lẫn nhau. Đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Luật sư B bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Nông Thị G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đàm Thị A trình bày: Không nhất trí ý kiến của phía nguyên đơn đề nghị hủy án sơ thẩm, Về nguồn gốc: không có căn cứ để xác định đất là của nguyên đơn hay bị đơn, về quá trình quản lý, sử dụng: Tại biên bản hòa giải năm 2001 đã nêu rõ gia đình bị đơn được sử dụng từ năm 1979, năm 1980 gia đình bị đơn đã dựng một ngôi nhà gianh, năm 1989 đã được xác định ranh giới giữa thửa 167 và 166, năm 1991 dựng ngôi nhà gỗ, xuyên suốt quá trình bị đơn quản lý, sử dụng thì phía gia đình nguyên đơn đều biết nhưng không có ý kiến gì đến năm 2001 mới xảy ra tranh chấp. Việc nguyên đơn cho rằng có giấy tờ mua bán là không đảm bảo vì giấy tờ mua bán không chứng minh được về địa danh, tứ cận tiếp giáp phù hợp với đất tranh chấp và giấy mua bán không có thể hiện diện tích. Quá trình thẩm định xác định được phần đất hạ 03 ngôi mộ của gia đình ông C không nằm trong thửa đất số 167. Theo Báo cáo kết quả thẩm tra xác minh đơn khiếu nại ngày 25/11/2009 của Tổ công tác giải quyết đơn khiếu nại UBND huyện S có nhận định sau năm 1979 gia đình ông M6 đã canh tác đám đất đó đến năm 1991 đã dựng nhà, lúc dựng nhà không có tranh chấp.

Việc mua bán giữa bà Rỏong và ông A là vào năm 2019, khi đó UBND tỉnh có quyết định giải quyết khiếu nại và công nhận đất của bị đơn nên mới có việc mua bán nêu trên, nhưng hai bên chỉ có giấy tờ mua bán viết tay, chưa làm thủ tục với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bà Rỏong vẫn nhất trí quyền sử dụng đất đối với thửa 167 thuộc về bị đơn. Đề nghị HĐXX bác kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Trợ giúp viên pháp lý Trần M bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất tranh chấp nhất trí ý kiến của luật sư Thủy đã trình bày. Giấy mua bán do nguyên đơn cung cấp không rõ ràng, không đúng tên địa danh địa phương, ranh giới, không có diện tích. Luật sư của nguyên đơn cho rằng nguồn gốc đất của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận quá trình quản lý sử dụng của bà G. Đề nghị HĐXX bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự và quá trình tranh luận tại phiên tòa có đủ căn cứ để bác kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn ông Hà Văn C nộp đơn khởi kiện bà Nông Thị G yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất và tháo dỡ nhà trên đất. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” là có căn cứ và đúng pháp luật theo quy định tại khoản 2 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự tuy nhiên chưa đầy đủ, cần xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu tháo dỡ công trình trên đất*”.

[2] *Về thẩm quyền:* Nguyên đơn Hà Văn C, bị đơn Nông Thị G đều cư trú tại huyện Q, tỉnh Cao Bằng, đất tranh chấp là thửa đất số 167, tờ bản đồ số 104 địa chỉ tại thị trấn T, huyện Q, do đó Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng thụ lý giải quyết là có căn cứ, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Tính hợp pháp của đơn kháng cáo:* Ngày 22/10/2021 Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng tuyên bản án sơ thẩm số 09/2021/DS-ST về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” giữa nguyên đơn Hà Văn C và bị đơn Nông Thị G. Đến ngày 05 tháng 11 năm 2021 ông Hà Văn C có đơn kháng cáo tại tòa án. Đơn kháng cáo của đương sự được gửi trong thời hạn luật định và người kháng cáo được miễn

nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật. Như vậy, đơn kháng cáo của đương sự là hợp pháp.

[4] *Xét kháng cáo và các căn cứ kháng cáo của nguyên đơn Hà Văn C:* Nguyên đơn Hà Văn C kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm và đề nghị HĐXX phúc thẩm tuyên hủy bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 22/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Q giao hồ sơ về cấp sơ thẩm để xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy:

Thứ nhất, ông Hà Văn C cho rằng về nguồn gốc đất thửa đất số 167, tờ bản đồ số 104 do ông Hà X(bố ông C) mua với ông Nông M1, việc mua bán có lập văn tự. Nội dung và hình thức của văn tự mua bán đất phù hợp với quy định tại khoản 3, Điều 5, thông tư 02/2015 của Bộ Tài nguyên và môi trường và phù hợp với điểm 3 khoản 1 Điều 100 Luật đất đai. HĐXX xét thấy: giấy tờ mua, bán đất giữa cụ Nông M1 và cụ Hà Văn T4 thì địa chỉ thửa đất khi giao dịch ghi khu vực F, trong khi thửa đất hiện nay đang tranh chấp có tên địa phương là F1, những người làm chứng, kể cả người làm chứng bên ông C gồm Nông C3, Lý Thị R1, Ngọc Thị D1 đều khai thửa đất đang tranh chấp không có tên gọi nào khác ngoài tên F1; do đó khẳng định được vị trí đất được mô tả trong giấy tờ mua, bán không phù hợp với thửa đất đang tranh chấp ngoài thực địa. Ngoài ra, trong giấy mua, bán đất nêu trên không thể hiện rõ việc mua, bán thửa đất nào mà chỉ nói chung là khu vực F, đặt trường hợp khu vực F mà giấy tờ mua bán nói đến là địa danh F1 hiện nay thì địa danh F1 hiện nay còn có các thửa đất khác mà hai gia đình không tranh chấp. Nên giấy tờ mua bán đất nêu trên không chứng minh được thửa đất số 167, tờ bản đồ 104 có tên địa phương là F1 có trong khu đất bố ông C (ông Hà Văn T4) đã mua và nay để lại thừa kế cho nguyên đơn.

Thứ hai, ông Hà Văn C cho rằng gia đình ông C quản lý và sử dụng thửa đất do cha mẹ để lại là hoàn toàn hợp pháp, việc sử dụng đất của gia đình ông C có các nhân chứng sinh sống cùng thời điểm xác nhận. HĐXX xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm đã xác định được: năm 1991 khi ông M6 dựng nhà ông C vẫn đồng ý thể hiện ở việc không có ý kiến gì, sau đó năm 1995 gia đình ông C dựng ngôi nhà cấp 4 trên các thửa đất số 166 (tiếp giáp thửa đất số 167) không có tranh chấp, như vậy ông C đã mặc nhiên thừa nhận ranh giới giữa hai ngôi nhà (nhà ông M6 và nhà ông C). Về việc ông C cùng những người làm chứng khai trên đất có các ngôi mộ của gia đình ông C nhưng không ai chỉ được vị trí các ngôi mộ đã đặt trước đó, trong khi năm 1980 bên gia đình bà G mới làm nhà trên đất (làm nhà sau khi trên đất đã có mộ). Ngoài ra, những người đại diện theo ủy quyền của ông C và Luật sư bên nguyên đơn cho rằng năm 1989 ông M6 (chồng bà G) mượn đất của ông C với diện tích khoảng 210m² để canh tác, thời hạn mượn trong vòng hai năm, nhưng ngoài lời khai của mình ra bên ông C không chứng minh được việc cho mượn đất theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thứ ba, Ông Hà Văn C cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định gia đình bị đơn đã quản lý, sử dụng thửa đất 167 liên tục, ngay tình từ năm 1979 cho đến nay (42 năm) là chưa hợp lý bởi lẽ: Gia đình bị đơn sử dụng đất nhưng không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc gia đình bị đơn đã đăng ký sử dụng đất hoặc thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất từ năm 1991, gia đình nguyên đơn đã có ý kiến khiếu nại liên quan đến diện tích tranh chấp. HĐXX xét thấy: Bà Nông Thị G có quá trình quản lý sử dụng thực tế, công khai, liên tục từ năm 1979 cho đến nay, được thể hiện tại biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 25/12/2001 của UBND xã T và lời trình bày của những người làm chứng Lương E2, Đàm A5, Nông C3, Lương B6, Nông V8, Nông C9, Hà T5, Nông C6, kể cả lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đàm Thị A được bà Nông Thị G cho ở nhờ nhà và đất từ năm 1989 đến nay cùng xác nhận. Đến năm 2001 mới có giấy tờ về việc nguyên đơn có đơn giải quyết tranh chấp.

Đối với lời khai của những người làm chứng trong vụ án: Cấp sơ thẩm đã thu thập đúng theo trình tự quy định của pháp luật, đánh giá lời trình bày của cả người làm chứng cho nguyên đơn và bị đơn một cách khách quan và toàn diện do đó việc nguyên đơn đưa ra ý kiến cho rằng cấp sơ thẩm chỉ đánh giá lời khai của người làm chứng có lợi cho bị đơn là không chính xác.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nông Văn A cũng khẳng định bố mẹ ông sinh được 2 người con, 01 con trai là Nông Văn A và một người con gái đã chết từ trước năm 1979, khi chết chưa có chồng con. Ông A là con duy nhất của ông M6 và bà G, ông nhất trí phần đất tranh chấp để mẹ đẻ ông là bà G tiếp tục quản lý sử dụng, ông không có ý kiến gì. Do đó phía nguyên đơn cho rằng cấp sơ thẩm xác định thiếu người tham gia tố tụng là vi phạm thủ tục và đề nghị hủy án sơ thẩm là không cần thiết. Ngoài ra tại văn bản số 38/UBND-TNMT ngày 14/01/2021 của UBND huyện Q đã khẳng định thửa đất 167 tờ bản đồ số 104 không có vi phạm quy hoạch hay kế hoạch sử dụng đất của huyện. Nếu không có tranh chấp thì thuộc trường hợp được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại văn bản số 44/UBND-DC ngày 21/5/2021 của UBND thị trấn T cũng nêu rõ thửa 167 tờ bản đồ số 104 không nằm trong danh mục các công trình thực hiện giai đoạn 2021-2030, do vậy phía nguyên đơn cho rằng đất tranh chấp thuộc quyền quản lý của UBND xã là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn cũng khẳng định không có tài liệu chứng cứ gì nộp thêm để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả lại quyền sử dụng đất và tháo dỡ công trình trên đất là có căn cứ. Cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Hà Văn C cũng như ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Đối với việc xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án của cấp sơ thẩm là chưa đầy đủ, tuy nhiên quá trình giải quyết cấp sơ thẩm cũng đã xác định và xem xét giải quyết theo đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cấp phúc thẩm nhắc nhở để cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5] *Về chi phí tố tụng*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên cấp sơ thẩm đã buộc nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 157 BLTTDS.

[6] *Về án phí*: Do kháng cáo của nguyên đơn Hà Văn C không được chấp nhận nên ông Hà Văn C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm để sung công quỹ nhà nước. Tuy nhiên ông Hà Văn C thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Hà Văn C. Giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

2. Về án phí: Ông Hà Văn C được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh CB;
- TAND huyện QH;
- Chi cục THADS huyện QH;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu án văn.

Nguyễn Thị Như